TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2019
"V/v Tranh chấp L hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, *tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Lý Thị Nhiên– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp L hôn và chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B

Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B
2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B
3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B
4. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1981
Địa chỉ. ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B
5. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B
6. Ủy ban nhân dân huyện Ph
Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B

(Ông T có mặt, bà Đ, bà Th, ông L, ông D, ông Tr, bà Tr, UBND huyện Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Đ xây dựng hôn nhân năm 1991, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông và bà Đ đã L thân đã lâu và hiện nay ông không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà Đ được nữa. Nay ông yêu cầu L hôn với bà Phạm Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng ông có một người con chung là Phạm Thị Nhí, sinh năm 1992 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày: Về hôn nhân và con chung như ông Nguyễn Văn T trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có người phụ nữ khác, nên hai vợ chồng bà L thân đã lâu, tuy nhiên bà không đồng ý L hôn. Về tài sản chung vợ chồng bà có 16 công đất nuôi trồng thủy sản, ngày 07/5/2018 bà có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên ngày 17/4/2019 bà rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy Đ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T xác định ông và bà Phạm Thị Đ xây dựng hôn nhân năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay ông T và bà Đ vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nay ông T yêu cầu L hôn với bà Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phạm Thị Nhí, sinh năm 1992 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu, còn bà Đ thì ngày 17/4/2019 đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung của bà Đ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu L hôn với bà Phạm Thị Đ, bà Đ có địa chỉ tại ấp Phước Hòa Tiền, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Tr là phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Đ thống nhất ông T và bà Đ xây dựng hôn nhân năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông T yêu cầu L hôn với bà Đ, bà Đ không đồng ý L hôn theo yêu cầu của ông T. Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý và tại Điều 14 quy định nam nữ có Đ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Ông T yêu cầu L hôn, bà Đ thì không đồng ý L hôn theo yêu cầu của ông T, nhưng hôn nhân của ông T và bà Đ không được pháp luật công nhận bảo vệ. Từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà Đ thống nhất ông bà có một người con chung là chị Phạm Thị Nhí, sinh năm 1992 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Ngày 07/5/2018 bà Đ có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên ngày 17/4/2019 bà Đ đã rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút lại yêu cầu trên của bà Đ là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, thu thập chứng cứ số tiền là 1.000.000đ, bà Đ phải chịu chi phí trên. Hoàn lại cho bà Đ số tiền là 1.000.000đ.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ. Bà Phạm Thị Đ không phải nộp án phí.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Nhí, sinh năm 1992 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về chi phí xem xét thẩm định đất tranh chấp bà Đ phải chịu số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà Đ đã được hoàn lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ, ông T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011652 ngày 16/4/2018 được đối trừ án phí trong giai đoạn thi hành án. Bà Phạm Thị Đ không phải nộp án phí, hoàn lại cho bà Đ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) lai thu số 00111699 ngày 18/5/2018 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Hồ Huỳnh Tố Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND thị trấn Phước Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.